TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 11-01- 2021
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Long

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Ông Nguyễn Thái Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Như Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: Bà Đặng Thị Kim Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2020/TLPT- HNGĐ ngày 16/11/2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 42/2020/HNGĐ – ST ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2038/2020/QĐ-PT ngày 29/12/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị T, sinh năm 1966. Địa chỉ: Tổ 4, Tổ dân phố 11, phường N, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;

2. *Bị đơn*: Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1958. Địa chỉ: 95 đươngV, phường N, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;

- *Người kháng cáo*: bị đơn ông Bùi Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới nội dung vụ án được tóm tắt như sau*:*

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị T trình bày: Bà T và ông Bùi Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/02/1987 tại UBND xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Theo bà T, trong quá trình chung sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Đ tính cộc cằn, thô lỗ, thường nổi nóng, hung dữ, hay chưởi bới, văng

tục, không tôn trọng vợ con, không chịu lắng nghe, chia sẻ để hiểu nhau hơn mà lúc nào cũng gây gỗ, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mỗi lần gây gổ nhau và chửi bới ông Đ toàn gây trước mặt con cái, nên trong mắt vợ con ông Đ là một con người quá vô tâm và gia trưởng; bà Tluôn phải chịu bao nhiêu điều ấm ức; đây là lần thứ ba bà Tlàm đơn xin ly hôn ông Đ, hai lần trước bà đã rút đơn về vì con cái nhưng mâu thuẫn không khắc phục được, năm 2009 đến nay tuy sống chung trong một nhà nhưng vợ chồng sống ly thân tình cảm vẫn không cải thiện được. Do tình cảm không còn nên bà T làm đơn xin được ly hôn với ông Đ nhằm ổn định cuộc sống.

Bị đơn ông Bùi Văn Đ trình bày: Về quan hệ hôn nhân, quá trình tìm hiểu, kết hôn đúng như bà Tđã trình bày, vợ chồng kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, nhưng về thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhỏ, hay cãi nhau và bất đồng từ một số việc gia đình, ông Đ quát mắng con thì bà T giận dữ nên vợ chồng có lời qua tiếng lại và bà T đã một lần làm đơn xin ly hôn nhưng Tòa tổ chức hòa giải bà T rút đơn về từ đó đến nay vợ chồng vẫn sống bình thường, ông Đ không hiểu được tại sao bà lại gửi đơn ly hôn đến Tòa. Nay ông thấy mâu thuẫn của vợ chồng chưa đến mức trầm trọng chưa đến mức phải ly hôn, nên nguyện vọng xin đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành. Quá trình Tòa án hòa giải, đến nay ông Đ cũng đã chủ động quan tâm vợ và các con nhưng bà T cứ lạnh nhạt không tạo điều kiện. Vợ chồng đã có tuổi, hơn nữa ông cũng đau ốm nên cần có sự chăm sóc của vợ và các con. Vì vậy ông Đ không đồng ý ly hôn mà nguyện vọng xin đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành. Tòa án đã hòa giải nhiều lần nhưng bà T vẫn cương quyết ly hôn, không quan tâm đến ông nên bà Tmuốn làm gì thì bà cứ làm, nhà ông ông ở và nuôi con.

- *Về nuôi con chung:* Bà T và ông Đ đều khai có 03 con chung cháu Bùi Thị Quỳnh Phương, sinh ngày: 19/5/1988, cháu Bùi Quỳnh Nga, sinh ngày 10/4/1993 và cháu Bùi Ngọc Tâm Đ1, sinh ngày 08/7/2008. Hiện cháu P và cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn nguyện vọng bà T xin được nuôi cháu Đ1 và không yêu cầu ông Đ đóng góp cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Ông Đ không nhất trí giao cháu Đ1 cho bà T nuôi dưỡng, ông muốn vợ chồng đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng nếu Tòa án xử cho ly hôn nguyện vọng của ông Đ cũng xin được nuôi cháu Đ1 và cấp dưỡng nuôi con tùy thuộc vào bà T, ông không yêu cầu.

- *Về chia tài sản chung, nợ chung:* Bà T và ông Đ tự thỏa thuận về chia tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 42/2020/HNGĐ – ST ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị T được ly hôn ông Bùi Văn Đ.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cháu Bùi Ngọc Tâm Đ1, sinh ngày 08/7/2008 cho bà Trần Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Bùi Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23 tháng 10 năm 2020 ông Bùi Văn Đ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử bác đơn bà Trần Thị T để gia đình được đoàn tụ.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn bà Trần Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với ông Đ. Bà T cho rằng Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải, phân tích hậu quả của việc ly hôn và tạo điều kiện cho hai bên về mặt thời gian để suy nghĩ lại chuyện tình cảm, nhưng từ thời gian đó đến nay vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn càng ngày càng căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn. Bà T cho rằng, ông Đ kéo dài thời gian nhằm mục đích để hành hạ bà chứ không phải níu kéo hạnh phúc, do đó Bà T vẫn cương quyết xin ly hôn ông Đ. Về con chung: bà trình bày vợ chồng có 03 con chung cháu Bùi Thị Quỳnh P, sinh ngày: 19/5/1988, cháu Bùi Quỳnh N, sinh ngày 10/4/1993 và cháu Bùi Ngọc Tâm Đ1, sinh ngày 08/7/2008. Cháu P và cháu N đã trưởng thành, nguyện vọng bà T xin được nuôi cháu Đ1 và không yêu cầu ông Đ đóng góp cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đ vẫn giữ nguyên nội dung trong đơn kháng cáo, ông thống nhất về quan hệ hôn nhân và con chung như lời trình bày của bà T; ông cho rằng, trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, do ông có tính nóng nảy nên cư xử với vợ con không đúng mực, ông đã tạo lập kinh tế để nuôi vợ con và có quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Ông thừa nhận vợ chồng ly thân từ khoảng năm 2016, 2017 đến nay nhưng vẫn ở chung trong một nhà. Nay ông cho rằng bị tai nạn, cần sự quan tâm chăm sóc của vợ con nên xin được đoàn tụ để vợ chồng hàn gắn, xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Về con chung, ông xin đoàn tụ nên không có ý kiến gì, về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Đ có mâu thuẫn thực sự trầm trọng, bà Tđã từng làm đơn ly hôn gửi Tòa án, các bên đã được hòa giải và đã hàn gắn tình cảm để xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con chung nhưng sau đó không khắc phục được, bà Ttiếp tục làm đơn ly hôn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân gia đình và giữ nguyên án sơ thẩm về tranh chấp nuôi con chung. Về tài sản chung, các đương sự tự thỏa thuận nên không xem xét.

Về án phí: Ông Đ phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn Đ được xác định trong hạn luật định theo quy định tại Điều 272 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên có cơ sở để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Bùi Văn Đ yêu cầu xử bác đơn ly hôn của bà Trần Thị T, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Bà T và ông Đ kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật và xã hội công nhận.

Bà Tv à ông Đ đều thừa nhận, cuộc sống chung có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của những mâu thuẫn theo bà T trình bày do ông Đ tính tình cộc cằn, gia trưởng, không chịu lắng nghe, thường gây gổ, chửi bới bà Đ trước mặt con, không tôn trọng bà nên bà đã từng 02 lần nộp đơn ly hôn đến Tòa án để yêu cầu giải quyết ly hôn. Tuy nhiên vì thương con nên bà Tđã rút đơn để ông Đ có thời gian sửa chữa lỗi lầm cùng nhau nuôi dạy con cái, nhưng không khắc phục được, đã nhiều năm nay vợ chồng sống chung trong một mái nhà nhưng ly thân, không quan tâm chăm sóc đến nhau, đến thời điểm hiện tại những mâu thuẫn đó vẫn tồn tại, không khắc phục được, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng kéo dài và ngày càng trầm trọng.

Ông Đ cho rằng ông vẫn yêu thương vợ con, mong muốn gia đình đoàn tụ, bản thân ông sau khi bị tai nạn bị thương tật, để lại di chứng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ khai đã bình phục, có thể tự chăm sóc bản thân.

Qua lời trình bày của đương sự cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Thực tế hai vợ chồng đã không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn gia đình đã kéo dài, đây là lần thứ 03 bà T nộp đơn ly hôn tại Tòa án, chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã thực sự trầm trọng. Bà T và ông Đ đều là những người lớn tuổi, đã có quá trình dài sống chung với nhau, quá trình Tòa giải quyết vụ án đã nhiều lần hòa giải nhưng đến nay vẫn không khắc phục được. Xét tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, cùng có nghĩa vụ chăm sóc, giúp đỡ nhau; mâu thuẫn của ông, bà xuất phát từ cuộc sống, cách ứng xử với nhau trong đời sống vợ chồng, gia đình, nhưng lại không có

biện pháp để khắc phục sửa chữa, tại phiên tòa phúc thẩm bà T vẫn cương quyết xin ly hôn vì tình cảm không còn, ông Đ trình bày muốn đoàn tụ nhưng lại không có biện pháp để hàn gắn tình cảm, do đó nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích hôn nhân cũng không thể đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn đối với ông Đ là có căn cứ.

[2.1] Về con chung: Các bên đương sự thống nhất trình bày vợ chồng có 03 con chung: cháu Bùi Thị Quỳnh P, sinh ngày: 19/5/1988, cháu Bùi Quỳnh N, sinh ngày 10/4/1993 và cháu Bùi Ngọc Tâm Đ1, sinh ngày 08/7/2008. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, cháu P và Cháu N đều đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động và đã lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nuôi dưỡng. Riêng cháu Bùi Ngọc Tâm Đ1, sinh ngày 08/7/2008, ông Đ và bà T đều có nguyện vọng nuôi con sau ly hôn mà không yêu cầu bên kia cấp dưỡng. Cấp sơ thẩm đã xem xét điều kiện mỗi bên và độ tuổi của con để giao con chung cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Xét thấy bà T là phụ nữ nên điều kiện chăm sóc con cũng có nhiều thuận lợi hơn. Cháu Đ1 có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy, cần căn cứ vào điều kiện thực tế, ý kiến của cháu Đức và nguyện vọng của bà Tđể giao cháu Bùi Ngọc Tâm Đ1 cho bà T trực triếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà T cam đoan đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng là sự tự nguyện của đương sự. Do đó giữ nguyên bản án sơ thẩm về quan hệ con chung là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T ông Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

[3] Về án phí phúc thẩm: ông Đ phải nộp án phí phúc thẩm nhưng là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì lẽ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn Đ, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 42/2020/HNGĐ – ST ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình;

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử cho bà Trần Thị T được ly hôn ông Bùi Văn Đ.

- Về quan hệ nuôi con chung: Áp dụng các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Bà Trần Thị T và ông Bùi Văn Đ thống nhất vợ chồng có 03 con chung: cháu Bùi Thị Quỳnh P, sinh ngày: 19/5/1988, cháu Bùi Quỳnh N, sinh ngày 10/4/1993 và cháu Bùi Ngọc Tâm Đ1, sinh ngày 08/7/2008. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, cháu Bùi Thị Quỳnh P và Cháu Bùi Quỳnh N đều đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Xử giao cháu Bùi Ngọc Tâm Đ1, sinh ngày 08/7/2008 cho bà Trần Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Bà T cam đoan đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành và không yêu cầu ông Bùi Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Bùi Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Trần Thị T.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung; không ai được cản trở.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Văn Đ không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 11/01/2021).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS Đồng Hới;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Đức Long